

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12- TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Huy Cường

2. Ông Thái Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Ngọc P, sinh ngày 03/7/1992; số CCCD: 072192012098, cấp ngày 11/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Bị đơn: anh Trương Văn B, sinh ngày 10/10/1986; số CCCD: 072086006247; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội địa chỉ: ấp X, xã B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:

Về hôn nhân: vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào năm 2011. C sống

đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không cùng quan điểm, cách sống, anh B không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, không có trách nhiệm trong gia đình dẫn đến tình cảm không còn nên vợ chồng ly thân nhau từ đó. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: có 01 con chung tên Trương Thị Bích N, sinh ngày 12/12/2011, hiện con đang sống với chị. Chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trương Văn B không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày:

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc P với anh Trương Văn B. Chị P được ly hôn với anh B.

Về con chung: giao 01 con chung tên Trương Thị Bích N, sinh ngày 12/12/2011 cho chị P nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận chị P không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị P chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Ngọc P, anh Trương Văn B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh, chị.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Trương Văn B tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào năm 2011 nên căn cứ Điều 9, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[2.2] Về xác định mâu thuẫn: chị P trình bày vợ chồng mâu thuẫn do anh B không có trách nhiệm, vợ chồng ly thân từ năm 2012 nên tình cảm không còn. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nếu có phản đối yêu cầu của người khác đối với mình thì phải thể hiện bằng văn bản và cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử anh B không đến Tòa án, không thể hiện ý kiến về việc chị P yêu cầu ly hôn, xem như anh B không muốn níu kéo mối quan hệ hôn nhân này. Như vậy, xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[2.3] Về con chung: con chung hiện đang sống với chị P, có nguyện vọng sống với mẹ nên xét thấy cần giao con chung là Trương Thị Bích N, sinh ngày 12/12/2011 cho chị P trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung: chị P không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Chị P xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã **Bến Cầu**;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thúy Liễu

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Chị Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 001769 ngày 06 tháng 06 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12). Chị P đã nộp đủ tiền án phí. Anh Trương Văn B không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Nguyễn Thị Ngọc P đối với anh Trương Văn B.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Trương Văn B.

Về con chung: giao con chung là Trương Thị Bích N, sinh ngày 12/12/2011 cho chị Nguyễn Thị Ngọc P trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Ngọc P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Trương Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án không giải quyết. Chị P xác định vợ chồng không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 001769 ngày 06 tháng 06 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12). Chị P đã nộp đủ tiền án phí. Anh Trương Văn B không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.